

Bản án số: 07/2024/LĐ - ST
Ngày: 03 - 5 - 2024
V/v tranh chấp tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Châu Thị Lệ

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G không tham gia phiên tòa (Theo Công văn số 28/CV-VKS-LĐ, ngày 03/4/2024).

Trong các ngày 26/4 và ngày 03/5/2024, tại Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLST-LĐ, ngày 17/10/2023, về việc tranh chấp tiền lương theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-LĐ, ngày 05/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐST-LĐ, ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tăng Quốc Đ; địa chỉ thường trú: Số F đường H, phường P, Quận B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Phương Y; địa chỉ thường trú: Số N, Khu phố B, phường H, thành phố T; Hoặc/và bà Phạm Thị T; địa chỉ thường trú: Số C, Đường số S, phường H, thành phố T. Cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường D, Phường N, quận G. Văn bản ủy quyền lập ngày 17/6/2023.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần H; địa chỉ trụ sở chính: Số A đường số D, khu dân cư Cs, Phường B, quận G.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đồng Thế M; địa chỉ: Số C đường N, Phường Z, quận B. Giấy ủy quyền lập ngày 06/3/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện Tòa án nhận ngày 27/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn - ông Tăng Quốc Đ và bà Phạm Thị T - Người đại diện hợp pháp của ông Tăng Quốc Đ trình bày:

Ông Đ bắt đầu làm việc cho Công ty Cổ phần H từ ngày 19/9/2022. Sau một tháng thử việc, ngày 19/10/2022 Ông Đ chính thức ký Hợp đồng lao động số 007/HMSPVN/HDLD/2022 xác định thời hạn hai năm, từ ngày 19/10/2022 đến ngày 18/10/2024, chức danh: Kế toán trưởng; mức lương trước thuế là 23.000.000 đồng/tháng; phụ cấp cơm trưa; hình thức trả lương bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn trả lương vào ngày 10 hàng tháng.

Sau một thời gian làm việc tại Công ty H, Ông Đ cảm thấy không phù hợp với cách làm việc và điều hành của ông Giám đốc Công ty H là ông H nên ông Đ đã nộp đơn thôi việc.

Ngày 13/12/2022, ông Đ và Công ty H ký Biên bản đồng thuận chấm dứt Hợp đồng. Đồng thời, Công ty H cam kết sẽ trả lương tháng 11/2022 cho ông Đ trong tuần và trả lương những ngày công tháng 12/2022 trong kỳ lương tháng sau. Ông Đ đồng ý và bàn giao tất cả mọi thứ liên quan đến công việc cho Công ty H theo quy định. Tuy nhiên đến hết ngày 17/12/2022, ông H vẫn không trả lương tháng 11/2022 cho ông Đ như đã hứa, lấy lý do Công ty H không có doanh thu và lợi nhuận nên không có tiền trả lương. Những ngày sau đó, ông Đ và những người lao động khác liên tục liên lạc ông H qua điện thoại và Zalo đề nghị phải thanh toán lương cho mọi người nhưng Công ty H vẫn không giải quyết.

Ngày 04/01/2023, ông Đ và những người lao động khác có gửi đơn đến phòng Lao động - Thương binh và xã hội quận G khiếu nại về việc không được thanh toán lương tháng 11/2022 và tháng 12/2022. Công ty H đã được Phòng Lao động - Thương binh và xã hội quận G mời lên hòa giải ngày 11/01/2023 nhưng họ đã cố tình vắng mặt, không tham dự buổi hòa giải.

Ông Đ nhận thấy việc Công ty H không thanh toán lương tháng 11/2022, tháng 12/2022 và hiện vẫn chưa đóng tiền bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cá nhân cho người lao động là vi phạm pháp luật về lao động, xâm phạm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động. Do đó, ông Đ khởi kiện Công ty H đến Tòa án, yêu cầu cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty H thanh toán cho ông Đ tiền lương của tháng 11/2022 với số tiền 23.000.000 đồng và tiền lương 13 ngày của tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022) với số tiền 8.700.000 đồng. Tổng cộng là 31.700.000 đồng.

2. Buộc Công ty H chi trả lại cho ông Đ 02 tháng tiền bảo hiểm xã hội (đóng chính thức từ tháng 11/2022) và cũng đã được Công ty tự trích lại nhưng không đóng cho ông Đ trái với quy định pháp luật với số tiền: 02 tháng x 23.000.000 đồng/tháng x 32% = 14.720.000 đồng để ông Đ có thể tiếp tục tham gia Bảo hiểm xã hội.

3. Buộc Công ty H chi trả lại cho ông Đ số tiền thuế thu nhập cá nhân của 03 tháng từ tháng 9 đến tháng 11/2022, hiện Công ty đã tự trích lại nhưng chưa đóng thuế thu nhập cá nhân cho ông Đ trái với quy định pháp luật số tiền 03 tháng: $1.382.476 + 962.019 + 45.327 = 2.389.822$ đồng để ông Đ tự nộp thuế theo nghĩa vụ với Nhà nước.

4. Buộc Công ty H thanh toán cho ông Đ lãi suất quá hạn của số tiền lương còn nợ cho đến khi thanh toán hết tiền lương còn nợ với mức lãi suất là 9%/năm. Lãi suất tạm tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/8/2023 là 2.928.593 đồng.

Tổng cộng Công ty H phải chi trả cho ông Đ số tiền là: $23.000.000 + 8.700.000 + 14.720.000 + 2.389.822 + 2.928.593 = 51.738.475$ đồng.

Ngày 20/02/2024, Tòa án nhận được đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện của ông Đ, đơn ghi ngày 31/01/2024. Việc thay đổi cụ thể như sau:

- Giữ nguyên yêu cầu:

1. Buộc Công ty H thanh toán cho ông Đ tiền lương của tháng 11/2022 với số tiền 23.000.000 đồng và tiền lương 13 ngày của tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022) với số tiền 8.700.000 đồng. Tổng cộng là 31.700.000 đồng.

2. Buộc Công ty H thanh toán cho ông Đ lãi suất quá hạn của số tiền lương còn nợ cho đến khi thanh toán hết tiền lương còn nợ với mức lãi suất là 9%/năm. Lãi suất tạm tính từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/8/2023 là 2.928.593 đồng.

- Các yêu cầu khởi kiện còn lại, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Bị đơn: Công ty Cổ phần H:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Phi V (Theo Giấy ủy quyền số 03/HMSPVN/UQ/2023, ngày 20/11/2023) trình bày tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2024: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Đối với các khoản tiền nợ lương và nợ bảo hiểm xã hội của ông Đ, ông V không biết, khi nào nắm được ông V cũng không biết.

III. Tại phiên tòa sơ thẩm

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Phạm Thị T trình bày: Ông Tăng Quốc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Đ lập ngày 31/01/2024 và bản trình bày ý kiến ngày 04/4/2024. Các yêu cầu cụ thể như sau:

- Công ty H có nghĩa vụ trả cho ông Đ tiền lương tháng 11/2022 là 23.000.000 đồng; lương tháng 12/2022 (tính đến ngày 13/12) là 8.700.000 đồng. Tổng cộng là 31.700.000 đồng;

- Do Công ty H chậm trả lương nên Công ty H có nghĩa vụ trả cho ông Đ tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng

do Ngân hàng TMCP Á Châu (là Ngân hàng mà Công ty H trả lương trước đây cho ông Đ) công bố tại thời điểm trả lương.

2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty H, ông Đồng Thế M trình bày:

Ông Đ nghỉ việc tại Công ty H từ ngày 14/12/2022. Công ty H xác nhận còn nợ ông Đ tiền lương tháng 11 và tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, nợ tiền lương cụ thể bao nhiêu đại diện bị đơn không rõ nên đại diện bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đại diện bị đơn về hỏi lại Công ty H nợ ông Đ tiền lương cụ thể bao nhiêu, sau đó, tiếp tục giải quyết vụ án.

Lý do nợ tiền lương là do Công ty H khó khăn.

Tòa án không chấp nhận đơn phản tố của bị đơn làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn

Ngoài ra, đại diện Công ty H cho rằng ông là người am hiểu pháp luật nên nhận thấy Tòa án đã quá nóng vội khi đưa vụ án ra xét xử.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - Luật sư Nguyễn Minh C trình bày:

Doanh nghiệp thừa nhận chậm trả tiền lương cho người lao động. Doanh nghiệp khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm đến đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn - Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục giải quyết:

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty H trả tiền lương. Tại Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp thì Công ty H có trụ sở tại quận G, chưa đăng ký giải thể. Căn cứ Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về lao động, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 11/01/2023, Phòng lao động thương binh và xã hội quận G xác nhận đã gửi thư mời nhiều lần nhưng Công ty H vắng mặt.

Về người tham gia tố tụng: Sau khi được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án. Ngày 20/11/2023, Người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông H đã ủy quyền cho ông Hoàng Phi V thay mặt Công ty H tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp Hợp đồng lao động với nguyên đơn - ông Tăng Quốc Đ. Ngày 06/3/2024, Người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông H đã ủy quyền cho ông Đồng Thế M thay mặt Công ty H tham gia tố tụng. Tại Biên bản ghi nhận do Tòa án lập, ông Hoàng Phi V xác nhận giữa ông V và Công ty H đã chấm dứt việc ủy quyền (Thỏa thuận miệng) vì Công ty H đã ủy quyền cho ông M tham gia tố tụng trong vụ án với ông Đ.

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[II] *Xét yêu cầu của nguyên đơn - Ông Tăng Quốc Đ:*

Căn cứ lời khai của đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Ngày 19/10/2022, ông Đ và Công ty H có ký hợp đồng lao động. Ông Đ vào Công ty H làm việc với chức danh Kế toán trưởng; mức lương trước thuế là 23.000.000 đồng/tháng; phụ cấp cơm trưa; hình thức trả lương bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn trả lương vào ngày 10 hàng tháng. Căn cứ Khoản 1 Điều 13 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về Hợp đồng lao động, giao kết giữa ông Đ và Công ty H phát sinh hiệu lực pháp luật.

Quá trình làm việc, ông Đ đã nộp đơn xin nghỉ việc nên ngày 13/12/2022, ông Đ và Công ty H có ký Biên bản đồng thuận chấm dứt hợp đồng. Đồng thời, ngày 20/5/2023, Công ty H ban hành thông báo về việc giải quyết tiền lương cho những người thôi việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty H thừa nhận chưa trả lương cho ông Đ và có nợ lương của ông Đ tháng 11 và tháng 12 năm 2022. Căn cứ Khoản 1 Điều 94 Bộ luật Lao động năm 2019, Công ty H - Người sử dụng lao động đã vi phạm thỏa thuận về trả lương cho người lao động. Ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty H trả tiền lương cho ông là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty H có nghĩa vụ trả cho ông Đ tiền lương của tháng 11/2022 là 23.000.000 đồng và tiền lương 13 ngày của tháng 12/2022 (từ ngày 01/12/2022 đến ngày 13/12/2022) với số tiền là 8.700.000 đồng. Tổng cộng là 31.700.000 đồng.

Do Công ty H không trả lương đúng hạn nên ông Đ yêu cầu Công ty H phải trả tiền lãi do chậm trả lương. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Khoản 4 Điều 97 Bộ Luật lao động quy định: “...*nếu trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì người sử dụng lao động phải đền bù cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng số tiền lãi của số tiền trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do ngân hàng nơi người sử dụng lao động mở tài khoản trả lương cho người lao động công bố tại thời điểm trả lương*”. Từ căn cứ trên, xét yêu cầu trả tiền lãi của ông Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này. Cụ thể: Công ty H có nghĩa vụ đền bù cho ông Đ tiền lãi của số tiền lương trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Á Châu công bố tại thời điểm trả lương.

Do Công ty H vi phạm thời hạn trả lương, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của ông Đ nên ông Đ yêu cầu Công ty H trả tiền nợ lương ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời phản bác của bị đơn - Công ty H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của Công ty H (ông V) đã trả

lời không biết Công ty H nợ ông Đ bao nhiêu tiền lương? khi nào nắm được thông tin Công ty H nợ ông Đ bao nhiêu tiền lương cũng không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty H (ông M) thừa nhận còn nợ tiền lương của ông Đ tháng 11, 12/2022 nhưng nợ bao nhiêu, người đại diện của Công ty H cũng không rõ mà đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để ông về Công ty H trao đổi lại rồi báo cho Tòa án biết. Ngoài ra, ông M còn cho rằng Tòa án quá nóng vội đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty H phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Đ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/01/2024, Tòa án đã giải thích và hướng dẫn các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời phản đối là có căn cứ và hợp pháp. Đến ngày xét xử sơ thẩm, đại diện Công ty H cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty H tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để cung cấp chứng cứ về nợ lương. Rõ ràng đề nghị của đại diện Công ty H kéo dài thời gian giải quyết vụ án cũng đồng nghĩa kéo dài thời gian trả tiền lương cho người lao động, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người lao động nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngưng phiên tòa của Công ty H.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty H (ông M) còn cho rằng Tòa án không chấp nhận đơn phản tố là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 04/01/2024, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty H (ông V) có nộp đơn phản tố. Thẩm phán đã giải thích cho ông V rõ về thời hạn phản tố và thẩm quyền ký đơn phản tố theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đối với đơn phản tố mà ông Việt nộp. Tòa án không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố và ông V đã nhận lại đơn phản tố.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nếu Công ty H có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Đ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty H thì Công ty H có quyền khởi kiện ông Đ bằng một vụ kiện khác.

Từ những phân tích trên, xét lời phản bác của người đại diện theo ủy quyền và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Công ty H hoàn toàn không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí lao động sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của ông Đ là yêu cầu của người lao động khởi kiện đòi tiền lương. Ông Đ có đơn miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, miễn án phí lao động sơ thẩm cho ông Đ.

Công ty H phải trả cho ông Đ tiền lương là 31.700.000 đồng. Án phí sơ thẩm phải nộp là 951.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 94, 97 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Quốc Đ

1.1. Công ty Cổ phần H có nghĩa vụ trả cho ông Tăng Quốc Đ tiền lương tháng 11/2022 và tiền lương $\frac{1}{2}$ tháng 12/2022, tổng cộng là 31.700.000 (Ba mươi một triệu, bảy trăm ngàn) đồng.

Thời gian trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Công ty Cổ phần H có nghĩa vụ trả cho ông Tăng Quốc Đ tiền lãi của số tiền lương trả chậm tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Á Châu công bố tại thời điểm trả lương.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Cổ phần H phải nộp 951.000 (Chín trăm năm mươi một ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hạnh